TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/DS-ST
Ngày: 28-6-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST–DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2024/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Vũ Bích T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S (văn bản ủy quyền 16-5-2024), vắng mặt có đơn yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là bà Trần Ngọc D trình bày:

Ngày 21-07-2020, ông Nguyễn Văn L, có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Văn L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức ông Nguyễn Văn L đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 565.052.753 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Văn L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 505.740.193 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Văn L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Văn L vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 22-01-2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 19-02-2024, ông Nguyễn Văn L còn nợ số tiền 59.312.560 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm sáu mươi đồng chẵn*)*. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu ông L phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 19-02-2024 là 59.312.560 đồng (Năm mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm sáu mươi đồng chẵn) và lãi phát sinh sau ngày 19-02-2024 cho đến khi trả nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông L không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông L.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã thay đổi người đại diện theo uỷ quyền, theo đó bà Nguyễn Vũ Bích T là người đại diện theo uỷ quyền, văn bản uỷ quyền ngày 16-5-224. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời gửi bảng kê tính lãi khách hàng ông Nguyễn Văn L đến ngày 28 tháng 6 năm 2024 như sau: Tổng số nợ còn phải thanh toán của ông Nguyễn Văn L là 69.434.288 đồng.

Bị đơn ông ông Nguyễn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

+ Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại tại các Điều từ 26 đến Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy

định tại Điều 68 của BLTTDS. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của BLTTDS.

+ Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của BLTTDS và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của BLTTDS.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của BLTTDS. Thư ký tuân theo các Điều 51 và Điều 237 của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa tuy nhiên bị đơn vắng mặt không cung cấp các giấy tờ thể hiện ý kiến của bị đơn. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ việc theo quy định tại Điều 227, 228 của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện ông Nguyễn Văn L tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: ông Nguyễn Văn L có nơi đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng là bà T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo

quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Ngày 21 tháng 7 năm 2020, ông Nguyễn Văn L được Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 17 tháng 01 năm 2022 và điều khoản và điều kiện phát hành và sữ dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng có hiệu lực ngày 29-11-2019. Thông tin loại thẻ tín dụng: JCB Classic. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch và các khoản thanh toán với tổng số tiền giao dịch: 496.299.800 đồng; Phí trễ hạn: 2.187.133 đồng; Lãi: 60.258.820 đồng; Phí thẻ: 6.307.000 đồng; Đã thanh toán: 505.740.193 đồng; Còn thanh toán 59.312.560 đồng (Bằng chữ: Năm mươi chín triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm sáu mươi đồng chẵn), Ngân hàng S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng, chuyển toàn bộ số nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Cho đến ngày 28 tháng 6 năm 2024, ông Nguyễn Văn L còn nợ Ngân hàng số tiền 69.434.288 đồng, trong đó: nợ gốc là 57.177.508 đồng, lãi trong hạn là 8.171.238 đồng và lãi quá hạn là 4.085.619 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án: bị đơn ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, được xem đã từ bỏ quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh và trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng như không phản đối những tình tiết, sự kiện mà Ngân hàng đưa ra, do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân giữa các bên thể hiện bằng văn bản, nội dung thỏa thuận cụ thể về số tiền được cấp, lãi suất, phương thức trả gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của các bên, tuân thủ quy định về phạm vi hoạt động, lãi suất, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng và phù hợp với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[2.3] Ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ đúng hạn là vi phạm thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã giao kết. Tại phiên tòa, tính đến ngày 28-6-2024 Ngân hàng yêu cầu L phải thanh toán tổng số tiền là 69.434.288 đồng, trong đó: nợ gốc là 57.177.508 đồng, lãi trong hạn là 8.171.238 đồng và lãi quá hạn là 4.085.619 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng

[2.4] Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông L trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 21 tháng 7 năm 2020, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Xét, yêu cầu của Ngân hàng S1 là phù hợp nội dung "*...kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc*

chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay" được quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 117, 295, 298, 299, 301, 317, 318, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 90, 91, khoản 2 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng;

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Luật Phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với bị đơn ông Nguyễn Văn L về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền là 69.434.288 (sáu mươi chín triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng, trong đó: nợ gốc là 57.177.508 đồng, lãi trong hạn là 8.171.238 đồng và lãi quá hạn là 4.085.619 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 21 tháng 7 năm 2020 và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 có hiệu lực ngày 29 tháng 11 năm 2019.

2. Về án phí:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 1.482.814 (một triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn tám trăm mười bốn đồng) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003421 ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Văn L phải nộp 3.221.714 (ba triệu hai trăm hai mươi mốt nghìn bảy trăm mười bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai